TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 190/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2026
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Thanh Thiên**

2/ Bà **Lê Thị Mộng Thơ**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Anh Thư** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 200/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 643/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 505/2026/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh ngày 10/7/1990. CCCD số: 092190016171. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. SĐT: 0788.924.660. Có yêu cầu xin vắng

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng M,** sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. SĐT: 0938.378.501. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Hoàng M tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) vào ngày 12/01/2009.

Ông, bà sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, cả hai đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Vì vậy, bà B làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ giải quyết cho bà vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T (nữ), sinh ngày 17/3/2009 và Nguyễn Hoàng Đ (nam); sinh ngày 10/8/2019. Hiện tại, cháu T và cháu Đ đang sống với bà B, sau khi ly hôn bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và cháu Đ đến khi trưởng thành. Không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng M: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt các lần hòa giải và xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông M đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (đính kèm bài phát biểu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Hoàng M tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) vào ngày 12/01/2009 nên

xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, bà B và ông Q phát sinh mâu thuẫn, bà B có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*". Bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Bà B và ông M chung sống năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) vào ngày 12/01/2009. Bà B và ông M sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa ông M tiếp tục vắng mặt mặc dù ông M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt cho nên được xem là từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của bà B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo bà B thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành cho nên bà B làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông M.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà B xác nhận bà và ông M chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù vợ chồng có cố gắn hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện. Mặt khác, ông M đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn không đến Toà án tham gia tố tụng để Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa bà B và ông M đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] *Về con chung*: Nguyên đơn khai có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T (nữ), sinh ngày 17/3/2009 và Nguyễn Hoàng Đ (nam); sinh ngày 10/8/2019. Hiện tại, cháu T và cháu Đ đang sống với bà B, sau khi ly hôn bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và cháu Đ đến khi trưởng thành.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Tại bản tự khai ngày 31/3/2026 thì cháu Nguyễn Thị Anh T có nguyện vọng sống với mẹ. Ngoài ra, hiện tại cháu T và cháu Đ đang sống chung với bà B. Bà B cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T và cháu Đ đến khi trưởng thành. Nhằm tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần cho cháu T và cháu Đăng tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu. Vì vậy, việc giao cháu T và cháu Đ cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và cũng đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà B không yêu cầu ông M cấp dưỡng cho nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông M theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B về việc ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T (nữ), sinh ngày 17/3/2009 và Nguyễn Hoàng Đ (nam); sinh ngày 10/8/2019. Sau khi ly hôn giao cháu T và cháu Đ cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận bà B không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông M theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu số 0004386 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Bà B đã nộp xong án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDKV3 – Cần Thơ;
- Chi cục THADSKV 3 – Cần Thơ;
- TAND TP.CT;

- UBND xã Trường Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến